

**CÔNG TY TNHH VẬN TẢI
KHÁCH ĐỆ NHẤT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số 01/2026/CV-ĐN
V/v kê khai giá phụ thu dịp Tết
Nguyên đán Bính Ngọ năm 2016.
Tuyến Gia Lai đi Tp.Hồ Chí Minh,
Cần Thơ và ngược lại

Gia Lai, ngày 22 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: - Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai;

Thực hiện quy định tại Luật giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn về việc phục vụ vận tải hành khách đường bộ dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 tại Bến xe An Sương;

Căn cứ Kế hoạch của Trung tâm Quản lý & Điều hành vận tải hành khách công cộng tỉnh Bình Dương về việc phục vụ vận tải hành khách đường bộ dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 tại Bến xe Bến Cát;

Căn cứ Kế hoạch của Công ty Cổ phần Bến xe Tàu phà Cần Thơ về việc phục vụ vận tải hành khách đường bộ dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 tại Bến xe TT TP Cần Thơ;

Công ty TNHH Vận tải khách Đệ Nhất gửi Bảng kê khai giá phụ thu dịp Tết Nguyên đán Bính ngọ chiều đi từ Gia Lai đi TP Hồ Chí Minh và ngược lại (BX An Nhơn – BX An Sương, BX An Nhơn – BX Bến Cát, BX Quy Nhơn – BX Bến Cát và ngược lại); từ Gia Lai đi Cần Thơ và ngược lại (BX Quy Nhơn – BX TT TP Cần Thơ và ngược lại);

Mức giá kê khai này áp dụng thực hiện:

- Trước Tết phụ thu chiều từ TP Hồ Chí Minh, Cần Thơ về Gia Lai theo kế hoạch tại đầu TP Hồ Chí Minh:
 - Phụ thu 40% từ ngày 03/02/2026 - 05/02/2026 Dương lịch (tức từ 16/12/2025 – 18/12/2025 Âm lịch).
 - Phụ thu 60% từ ngày 06/02/2026 - 19/02/2026 Dương lịch (tức từ 19/12/2025 – 03/01/2026 Âm lịch).
- Sau Tết phụ thu chiều từ Gia Lai đi TP Hồ Chí Minh, Cần Thơ theo kế hoạch tại đầu Gia Lai:
 - Phụ thu 60% từ ngày 20/02/2026 – 01/03/2026 Dương lịch (tức từ Mùng 04/01/2026 – 13/01/2026 Âm lịch).

Công ty TNHH Vận tải khách Đệ Nhất xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

q

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bến xe An Nhơn;
- Bến xe Quy Nhơn;
- Bến xe An Sương;
- Bến xe Bến Cát;
- Bến xe TT TP Cần Thơ;
- Lưu VP

GIÁM ĐỐC



- Họ và tên người nộp Biểu mẫu: Lâm Trường Duy;
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: Thôn Kim Tây, xã Tuy Phước Đông, tỉnh Gia Lai;
- Số điện thoại liên lạc: 0868577677
- Email: Lamthianhngan125@gmail.com
- Số fax:

Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá của cơ quan tiếp nhận

Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai

SỞ XÂY DỰNG TỈNH GIA LAI	
ĐẾN	Số: 4735
	Ngày: 02/02/2026
Chuyển.....	
Số và ký hiệu hồ sơ:.....	

CÔNG TY TNHH VẬN TẢI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHÁCH ĐỆ NHẤT **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày 22 tháng 01 năm 2026

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 01/2026/CV-ĐN ngày 22/01/2026 của Công ty TNHH Vận tải khách Đệ Nhất)

1. Mức giá kê khai bán trong nước: Các mức giá tại Bến xe, văn phòng Công ty

ST T	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế-kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng / giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm sơ với kỳ liền kề trước	Ghi chú
I. Trước Tết									
1	Tuyến TP.Hồ Chí Minh-Gia Lai (BX An Sương – BX An Nhơn)	Xe 24 phòng	Đồng /HK	450.000	630.000	Từ ngày 03/02/2026 - 05/02/2026 Dương lịch (tức từ 16/12/2025 – 18/12/2025 Âm lịch)	Tăng 180.000	Tăng 40%	
2		Xe 34 giường	Đồng /HK	300.000	420.000		Tăng 120.000		
3		Xe 44 giường	Đồng /HK	300.000	420.000		Tăng 120.000		
4	Tuyến TP.Hồ Chí Minh-Gia Lai (BX Bến Cát – BX An Nhơn)	Xe 41 giường	Đồng /HK	300.000	420.000		Tăng 120.000		
5		Xe 44 giường	Đồng /HK	300.000	420.000		Tăng 120.000		
6	Tuyến TP.Hồ Chí Minh-Gia Lai (BX Bến Cát – BX Quy Nhơn)	Xe 22 phòng	Đồng /HK	480.000	672.000		Tăng 192.000		
7		Xe 44 giường	Đồng /HK	300.000	420.000		Tăng 120.000		
8	Tuyến Cần Thơ - Gia Lai (BX TT TP Cần Thơ-BX Quy Nhơn)	Xe 24 phòng	Đồng /HK	630.000	780.000		Tăng 150.000		
9	Tuyến TP.Hồ Chí Minh-Gia Lai (BX An Sương – BX An Nhơn)	Xe 24 phòng	Đồng /HK	450.000	720.000	Từ ngày 06/02/2026 - 19/02/2026 Dương lịch (tức từ	Tăng 270.000	Tăng 60%	
10		Xe 34 giường	Đồng /HK	300.000	480.000		Tăng 180.000		

11		Xe 44 giường	Đồng /HK	300.000	480.000	19/12/2025– 03/01/2026 Âm lịch).	Tăng 180.000		
12	Tuyến TP.Hồ Chí Minh-Gia Lai (BX Bến Cát – BX An Nhơn)	Xe 41 giường	Đồng /HK	300.000	480.000		Tăng 180.000		
13		Xe 44 giường	Đồng /HK	300.000	480.000		Tăng 180.000		
14	Tuyến TP.Hồ Chí Minh-Gia Lai (BX Bến Cát – BX Quy Nhơn)	Xe 22 phòng	Đồng /HK	480.000	768.000		Tăng 288.000		
15		Xe 44 giường	Đồng /HK	300.000	480.000		Tăng 180.000		
16	Tuyến Cần Thơ - Gia Lai (BX TT TP Cần Thơ–BX Quy Nhơn)	Xe 24 phòng	Đồng /HK	630.000	1.008.000		Tăng 378.000		

II. Sau Tết:

1	Tuyến Gia Lai-TP Hồ Chí Minh (BX An Nhơn – BX An Sương)	Xe 24 phòng	Đồng /HK	450.000	720.000	Từ ngày 20/02/2026– 01/03/2026 Dương lịch (tức từ Mùng 04/01/2026– 13/01/2026 Âm lịch)	Tăng 270.000	Tăng 60%	
2		Xe 34 giường	Đồng /HK	300.000	480.000		Tăng 180.000		
3		Xe 44 giường	Đồng /HK	300.000	480.000		Tăng 180.000		
4	Tuyến Gia Lai-TP Hồ Chí Minh (BX An Nhơn – BX Bến Cát)	Xe 41 giường	Đồng /HK	300.000	480.000		Tăng 180.000		
5		Xe 44 giường	Đồng /HK	300.000	480.000		Tăng 180.000		
6	Tuyến TP.Hồ Chí Minh-Gia Lai (BX Quy Nhơn – BX Bến Cát)	Xe 22 phòng	Đồng /HK	480.000	768.000		Tăng 288.000		
7		Xe 44 giường	Đồng /HK	300.000	480.000		Tăng 180.000		
8	Tuyến Cần Thơ - Gia Lai (BX Quy Nhơn – BX TT TP Cần Thơ)	Xe 24 phòng	Đồng /HK	630.000	1.008.000		Tăng 378.000		

2. Phân tích nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa lần kê khai giá kỳ này so với kỳ liền kề trước: Nhằm đảm bảo đủ phương tiện để phục vụ người dân đi lại vào

dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026, đảm bảo cho Công ty đủ chi phí để phương tiện của Công ty hoạt động bù chiều chạy rỗng (không khách xe quay đầu về bến đón khách).

3. Ghi rõ mức thuế giá trị gia tăng đã bao gồm trong giá: Giá trên đã bao gồm thuế GTGT 8%.

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)



PHƯƠNG ÁN GIÁ

Tên dịch vụ: VÉ XE KHÁCH LƯỢT TUYẾN BX AN SƯƠNG, BX BẾN CÁT, BX TT TP CẦN THƠ VỀ GIA LAI VÀ NGƯỢC LẠI

Đơn vị cung ứng :

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ:

Cự ly vận chuyển: 710 km, Lộ trình: Bx An Nhơn - Quốc lộ 1A - Quốc lộ 1D - Quốc lộ 1A - Cao tốc (Cam Lâm - Vĩnh Hảo) - Cao Tốc (Phan Thiết - Dầu Giây) - Cao tốc (Dầu Giây - Long Thành - Hồ Chí Minh) - Quốc lộ 51 - Quốc lộ 1A - Quốc lộ 22 - Bx An Sương và ngược lại

Cự ly vận chuyển: 680 km, Lộ trình: Bx An Nhơn - Quốc lộ 1A - Quốc lộ 1D - Quốc lộ 1A - Cao tốc (Cam Lâm - Vĩnh Hảo) - Cao Tốc (Phan Thiết - Dầu Giây) - Cao tốc (Dầu Giây - Long Thành - Hồ Chí Minh) - Quốc lộ 51 - Quốc lộ 1A - Ngã 4 Bình Phước - Quốc lộ 13- Đại lộ Bình Dương - Bx Bến Cát và ngược lại

Cự ly vận chuyển: 655 km, Lộ trình: BX Quy Nhơn - Quốc lộ 1D - Quốc lộ 1 - Ngã tư Bình Phước - Đại Lộ Bình Dương - BX Bến Cát và Ngược lại.

Cự ly vận chuyển: 791 km, Lộ trình: Bến xe Quy Nhơn - Đặng Thái Mai - Tây Sơn - Quốc lộ 1D - Quốc lộ 1 - TP Hồ Chí Minh - Quốc lộ 1 - BX Khách Trung Tâm TP Cần Thơ & ngược lại.

Tính chi phí tính cho 01 chuyến bằng 02 lượt đi và về

stt	Chỉ tiêu tính toán	Đơn vị tính	Thành tiền	Ghi chú
A	Sản lượng tính giá (Q)	Đồng		
B	Chi phí sản xuất, kinh doanh			
I	Chi phí trực tiếp	Đồng		
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng trực tiếp	Đồng	9.226.308	
2	Chi phí nhân công trực tiếp	Đồng	3.300.000	
3	Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp (trường hợp được tính khấu hao)	Đồng	3.333.333	
4	Chi phí sản xuất kinh doanh (chưa tính ở mục 1.2.3) theo đặt thù	Đồng	5.236.000	
II	Chi phí chung	Đồng		
5	Chi phí sản xuất chung	Đồng	3.922.295	
6	Chi phí tài chính (nếu có)	Đồng		
7	Chi phí bán hàng	Đồng	1.100.000	
8	Chi phí quản lý	Đồng	2.000.000	
	Tổng chi phí sản xuất kinh doanh (TC)	Đồng	28.117.936	
C	Chi phí phân bổ cho dịch vụ khác (nếu có)	Đồng		
D	Giá thành toàn bộ (TC -CP)		28.117.936	
	Giá thành có thuế GTGT	Đồng	450.000	

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN CHI PHÍ (từ mục 1 đến mục 8 trong bảng tổng hợp tính giá)

- A. Sản lượng tính giá (Q)
- B. Chi phí sản xuất kinh doanh
1. Chi phí trực tiếp
1. Chi phí năng lượng

9.226.308 đồng

- Định mức nhiên liệu : 35 Lit/100 km
- Cụ ly vận chuyển : 710 km X 2 lượt X 35 lít: 100 km = 497 lít/ chuyến
- Thành tiền: 497 lít x 18,200 = **9.045.400 Đồng**
- Dầu mỡ phụ = 2% nhiên liệu chính (dầu diesel): 9.045.400 đồng x 2% = **180.908 đồng\.**
- 2. **Chi phí lương** 3.300.000 đồng
 - Lương lái xe : 02 người x 1.300.000 đồng = **2.600.000 đồng**
 - Lương NVPV : 01 người x 700.000 đồng = **700.000 đồng**
- 3. **Chi phí khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định : Tài sản cố định thực tế 4.000.000.000 đồng, dự kiến khấu hao 10 năm KHTSCĐ = 4.000.000.000 đồng : 10 năm : 12 tháng : 10 chuyến / tháng = **3.333.333 đồng .**

4. Chi phí sản xuất kinh doanh

- Chi phí bến bãi: Lệnh xuất bến ở 02 đầu bến: **800.000 đồng**
- Công tác phí tổ xe (chí phí ăn ở 01 chuyến): **500.000 đồng**
- Chi phí dịch vụ hành khách trên xe 01 khách /01 chuyến
(02 khăn + 2 nước (500ml):(1000 + 6.000) = **7.000 đồng**
24 khách X 7000 X 02 lượt = **336.000 đồng**
- Chi phí cầu đường **3.600.000**
- Tổng cộng chi phí mục 4** **5.236.000 đồng**

II Chi phí chung

5. Chi phí sản xuất chung

a. Sửa chữa tài sản :

Sửa chữa lớn : = 10% KHTSCĐ = 3.333.333 đồng X 10% = **333.333 đồng.**

Sửa chữa thường xuyên = 40% sửa chữa lớn = 333.333 đồng X 40% = **1.333.332 đồng**

b. Bảo hiểm vật chất xe và BH trách nhiệm dân sự :

100.000.000 đồng/xe/năm : 12 tháng : 15 chuyến = 555.555 đồng

c. Tiền xăng lốp và ắc qui

Dự kiến : Xăng lốp

01 chiếc lốp đi được quãng đường = 55.000 km

01 chiếc lốp trị giá: 10.000.000 đồng.

06 chiếc X 10.000.000 đồng /chiếc :55.000 km X 610 km X 2 lượt = **1.330.909 đồng**

d. Bình điện :

01 bộ = 02 cái X 4.150.000 đồng / cái = 8.300.000 đồng

01 bình điện sử dụng trong thời gian 01 năm

8.300. 000 đồng : (12 tháng X 10 chuyến / tháng) = **69.166 đồng**

e. Chi phí rửa xe : 01 chuyến (02 lượt)

300.000 đồng

Tổng cộng mục 5

3.922.295 đồng

6. Chi phí lãi ngân hàng

7. Chi phí bán hàng

_ Hoa hồng bán vé = 22 giường X 500.000 đồng /vé X 5% (tỷ lệ hoa hồng) X 2 = **1.100.000 đồng**

8. Chi phí quản lý

2.000.000 đồng

Tiền xăng đưa đón khách + tiền điện thoại + lương văn phòng + thuê văn phòng + chi phí kiểm định

Chi phí một chuyến : 28.117.936 đồng.

Chi phí một chuyến: **28.117.936 đồng.** Giá vé có thuế: 450.000 đồng / hành khách / 01 lượt.

Nhưng trong dịp Tết Nguyên Đán Bình Ngô, lượng khách phát sinh chỉ có 01 chiều tập trung trong vài ngày , để bù đắp chi phí cho chiều rỗng, theo Quy Định Công Ty được phụ thu cụ thể:

- Phụ thu 40%: số tiền phụ thu= giá vé niêm yết 450.000 X 40% = 180.000 đ. Giá vé phụ thu: 450.000 đ + 180.000 đ= 630.000 đồng / hành khách /01 lượt. Từ ngày 03/02/2026 - 05/02/2026 dương lịch (Tức từ 16/12/2025 - 18/12/2025 âm lịch). Xe 24 Phòng. Từ BX An Sương về BX An Nhơn.
- Phụ thu 40%: số tiền phụ thu= giá vé niêm yết 300.000 X 40% = 120.000 đ. Giá vé phụ thu: 300.000 đ + 120.000 đ= 420.000 đồng / hành khách /01 lượt. Từ ngày 03/02/2026 - 05/02/2026 dương lịch (Tức từ 16/12/2025 - 18/12/2025 âm lịch). Xe 34 giường. Từ BX An Sương về BX An Nhơn.
- Phụ thu 40%: số tiền phụ thu= giá vé niêm yết 300.000 X 40% = 120.000 đ. Giá vé phụ thu: 300.000 đ + 120.000 đ= 420.000 đồng / hành khách /01 lượt. Từ ngày 03/02/2026 - 05/02/2026 dương lịch (Tức từ 16/12/2025 - 18/12/2025 âm lịch). Xe 44 giường. Từ BX An Sương về BX An Nhơn
- Phụ thu 40%: số tiền phụ thu= giá vé niêm yết 300.000 X 40% = 120.000 đ. Giá vé phụ thu: 300.000 đ + 120.000 đ= 420.000

Phụ thu 40%: số tiền phụ thu= giá vé niêm yết 300.000 X 40% = 120.000 đ. Giá vé phụ thu: 300.000 đ + 120.000 đ= 420.000 đồng / hành khách /01 lượt. Từ ngày 03/02/2026 - 05/02/2026 dương lịch (Tức từ 16/12/2025 - 18/12/2025 âm lịch). Xe 44 giường. Từ BX Bến Cát về BX An Nhơn

- Phụ thu 40%: số tiền phụ thu= giá vé niêm yết 480.000 X 40% = 192.000 đ. Giá vé phụ thu: 480.000 đ + 192.000 đ= 672.000 đồng / hành khách /01 lượt. Từ ngày 03/02/2026 - 05/02/2026 dương lịch (Tức từ 16/12/2025 - 18/12/2025 âm lịch). Xe 22 Phòng. Từ BX Bến Cát về BX Quy Nhơn

- Phụ thu 40%: số tiền phụ thu= giá vé niêm yết 630.000 X 40% = 150.000 đ. Giá vé phụ thu: 630.000 đ + 150.000 đ= 780.000 đồng / hành khách /01 lượt. Từ ngày 03/02/2026 - 05/02/2026 dương lịch (Tức từ 16/12/2025 - 18/12/2025 âm lịch). Xe 24 Phòng. Từ BX Cần Thơ về BX Quy Nhơn

- Phụ thu 60%: số tiền phụ thu= giá vé niêm yết 300.000 X 60% = 180.000 đ. Giá vé phụ thu: 300.000 đ + 180.000 đ= 480.000 đồng / hành khách /01 lượt. Từ ngày 06/02/2026 - 19/02/2026 dương lịch (Tức từ 19/12/2025 – 03/01/2026 âm lịch). Xe 34 Giường. Từ BX An Sương về BX An Nhơn

- Phụ thu 60%: số tiền phụ thu= giá vé niêm yết 300.000 X 60% = 180.000 đ. Giá vé phụ thu: 300.000 đ + 180.000 đ= 480.000 đồng / hành khách /01 lượt. Từ ngày 06/02/2026 - 19/02/2026 dương lịch (Tức từ 19/12/2025 – 03/01/2026 âm lịch). Xe 41 Giường. Từ BX Bến Cát về BX An Nhơn

- Phụ thu 60%: số tiền phụ thu= giá vé niêm yết 480.000 X 60% = 288.000 đ. Giá vé phụ thu: 480.000 đ + 288.000 đ= 768.000 đồng / hành khách /01 lượt. Từ ngày 06/02/2026 - 19/02/2026 dương lịch (Tức từ 19/12/2025 – 03/01/2026 âm lịch). Xe 22 Phòng. Từ BX Bến Cát về BX Quy Nhơn

- Phụ thu 60%: số tiền phụ thu= giá vé niêm yết 630.000 X 60% = 378.000 đ. Giá vé phụ thu: 630.000 đ + 378.000 đ= 1.008.000 đồng / hành khách /01 lượt. Từ ngày 06/02/2026 - 19/02/2026 dương lịch (Tức từ 19/12/2025 – 03/01/2026 âm lịch). Xe 24 phòng. Từ BX Cần Thơ về BX Quy Nhơn

- Phụ thu 60%: số tiền phụ thu = giá vé niêm yết 630.000 X 60% = 378.000 đ. Giá vé phụ thu: 630.000 đ + 378.000 đ = 1.008.000 đồng / hành khách /01 lượt. Từ ngày 20/02/2026 - 01/03/2026 dương lịch (Tức từ 04/01/2026 –13/01/2026 âm lịch). Xe 24 Phòng. Từ BX Quy Nhơn về BX Cần Thơ

- Phụ thu 60%: số tiền phụ thu = giá vé niêm yết 300.000 X 60% = 180.000 đ. Giá vé phụ thu: 300.000 đ + 180.000 đ = 480.000 đồng / hành khách /01 lượt. Từ ngày 20/02/2026 - 01/03/2026 dương lịch (Tức từ 04/01/2026 –13/01/2026 âm lịch). Xe 34 Giường. Từ BX An Nhơn về BX An Sương

- Phụ thu 60%: số tiền phụ thu= giá vé niêm yết 300.000 X 60% = 180.000 đ. Giá vé phụ thu: 300.000 đ + 180.000 đ= 480.000 đồng / hành khách /01 lượt. Từ ngày 20/02/2026 - 01/03/2026 dương lịch (Tức từ 04/01/2026 –13/01/2026 âm lịch). Xe 41 Giường. Từ BX An Nhơn về BX Bến Cát

- Phụ thu 60%: số tiền phụ thu = giá vé niêm yết 300.000 X 60% = 180.000 đ. Giá vé phụ thu: 500.000 đ + 180.000 đ = 680.000 đ

đồng / hành khách /01 lượt. Từ ngày 20/02/2026 - 01/03/2026 dương lịch (Tức từ 04/01/2026 –13/01/2026 âm lịch). Xe 44 Giường. Từ BX An Nhơn vô BX Bến Cát

- Phụ thu 60%: số tiền phụ thu= giá vé niêm yết 480.000 X 60% = 288.000 đ. Giá vé phụ thu: 480.000 đ + 288.000 đ= 768.000 đồng / hành khách /01 lượt. Từ ngày 20/02/2026 - 01/03/2026 dương lịch (Tức từ 04/01/2026 –13/01/2026 âm lịch). Xe 22 Phòng. Từ BX Quy Nhơn vô BX Bến Cát